SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG THPT LÊ TRỌNG TẤN

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY MÔN LỊCH SỬ.– KHỐI 10
TỪ NGÀY 6/9 ĐẾN 2/10

TUẦN	Tiết	Bài	Nội dung
1 (từ 6/9-11/9)	1	**Sự xuất hiện loài người và bầy người nguyên thuỷ**	**Bài 1: SỰ XUẤT HIỆN LOÀI NGƯỜI VÀ BẦY NGƯỜI NGUYÊN THUỶ** **(1 tiết)** **A. KIẾN THỨC CƠ BẢN** **<u>1. Sự xuất hiện loài người và đời sống bầy người nguyên thuỷ</u>** - Vượn cổ chuyển biến thành Người tối cổ vào khoảng 4 triệu năm trước. - Di cốt được tìm thấy ở Đông Phi, Giava, Bắc Kinh… - Đặc điểm của Người tối cổ: + Về cơ thể: đi, đứng bằng 2 chân, hộp sọ lớn hơn loài vượn cổ, hình thành trung tâm phát tiếng nói trong não. + Biết chế tạo công cụ lao động bằng đá. + Phát minh ra lửa. + Kiếm sống bằng săn bắt và hái lượm. - Quan hệ xã hội: sống thành từng bầy, có cùng quan hệ huyết thống gọi là bầy người nguyên thuỷ. **<u>2. Người tinh khôn và óc sáng tạo</u>** a. Người tinh khôn - Khoảng 4 vạn năm trước đây, Người tối cổ đã loại bỏ hết dấu tích của loài vượn trở thành Người tinh khôn. - Người tinh khôn có màu da khác nhau: Trắng, vàng, đen. Đó là 3 chủng tộc lớn của loài người. - Về cơ thể: Xương cốt nhỏ hơn Người tối cổ, hộp sọ và thể tích não phát triển, cơ thể gọn và linh hoạt… b. Óc sáng tạo: là sự sáng tạo của Người tinh khôn trong việc cải tiến công cụ lao động bằng đá (mài nhẵn, gọn hơn) chế tạo nhiều công cụ mới (lao, cung tên…) + Kiếm sống bằng săn bắn, hái lượm. + Cư trú nhà cửa trở nên phổ biến. **<u>3. Cuộc cách mạng thời đá mới</u>** Bước sang thời đá mới, cách đây 1 vạn năm, đời sống con người có những thay đổi lớn: + Biết trồng trọt và chăn nuôi. + Làm sạch da thú để che thân. + Biết làm đồ trang sức và nhạc cụ.

<table>
<tr>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td>+ Biết đan lưới đánh cá, làm đồ gốm để đựng và đun nấu (nồi, bát, vò…).
=> Cuộc sống tốt hơn và bớt lệ thuộc vào tự nhiên.

B. CÂU HỎI ÔN TẬP
Câu 1. Việc phát minh ra lửa của người nguyên thủy có ý nghĩa gì?
Câu 2. Tại sao lại gọi là “cuộc cách mạng thời đá mới”?
Câu 3: So sánh thời đá mới với thời kì đá cũ trên những nội dung sau:
<table>
<tr><th>Nội dung</th><th>Thời kỳ đá cũ</th><th>Thời kỳ đá mới</th></tr>
<tr><td>Thời gian</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Chủ nhân</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Kĩ thuật chế tác công cụ</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Phương thức kiếm sống</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Tổ chức xã hội</td><td></td><td></td></tr>
</table>
<u>Gợi ý trả lời</u>
Câu 1: trình bày các ý sau:
-Họ biết giữ lửa trong tự nhiên và biết tạo ra lửa để nướng chín thức ăn, sưởi ấm, tự vệ, tránh thú dữ….
Câu 2: xem mục 3 – phần kiến thức cơ bản.
Câu 3: xem mục 2 và 3 – phần kiến thức cơ bản.</td>
</tr>
<tr>
<td>2 (từ 13/9-18/9)</td>
<td>2</td>
<td>Việt Nam thời nguyên thuỷ</td>
<td>Bài 13: VIỆT NAM THỜI NGUYÊN THUỶ (1 tiết)
A. KIẾN THỨC CƠ BẢN
<u>1. Những dấu tích của Người tối cổ ở Việt Nam</u>
- Cách nay 30 -> 40 vạn năm, trên đất Việt Nam đã có Người tối cổ sinh sống.
- Dấu vết tìm thấy ở Lạng Sơn, Thanh Hóa, Đồng Nai, Bình Phước...
- Họ sống thành từng bầy, kiếm sống bằng săn bắt, hái lượm…
<u>2. Sự hình thành và phát triển của Công xã thị tộc</u>
* Sự hình thành Công xã thị tộc.
- Nhiều địa phương ở nước ta đã tìm thấy răng hóa thạch và công cụ đá của Người tinh khôn.
- Họ sống thành thị tộc trong hang động, mái đá ven sông suối.
* Sự phát triển của công xã thị tộc.
- Văn hóa Hòa Bình - Bắc Sơn (cách nay 6000-12000 năm):
+ Công cụ lao động: rìu đá, xương, tre, gỗ.
+ Biết làm đồ gốm, trồng trọt và chăn nuôi.</td>
</tr>
</table>

<table>
<tr>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td>- Cuộc “cách mạng đá mới” (cách nay 5000 – 6000 năm):
+ Kỹ thuật chế tác công cụ tiến bộ: Biết khoan đá, làm gốm bằng bàn xoay
+ Nông nghiệp trồng lúa dùng cuốc đá
+ Việc trao đổi sản phẩm được đẩy mạnh.
=>+ Đời sống vật chất ổn định, đời sống tinh thần được nâng cao.
+ Địa bàn cư trú mở rộng.
<u>3. Sự ra đời của thuật luyện kim và nghề nông trồng lúa nước</u>
- Cách đây khoảng 3000-4000 năm, các bộ lạc đã biết dùng đồng và thuật luyện kim (cư dân Phùng Nguyên, Đồng Nai, Sa Huỳnh,..)
- Kỹ thuật phát triển,con người đã định cư xuống vùng thấp, thuận lợi cho việc trồng lúa nước
→ Đặt cơ sở cho sự ra đời của những quốc gia cổ đại trên lãnh thổ Việt Nam.

B. CÂU HỎI ÔN TẬP
Câu 1: Sự ra đời của thuật luyện kim có ý nghĩa gì đối với các bộ lạc sống trên đất nước ta cách đây 3000 - 4000 năm
<u>Gợi ý trả lời</u>
Câu 1: trình bày các ý sau:
- Nhờ có kĩ thuật luyện kim mà nghề trồng lúa nước được tiến hành ở nhiều thị tộc.
- Thuật luyện kim và nghề nông trồng lúa nước đã tạo nên năng suất lao động cao trên cơ sở đó đã hình thành những nền văn hóa lớn vào cuối thời nguyên thủy</td>
</tr>
<tr>
<td>3 (từ 20/9-25/9)</td>
<td>3</td>
<td>Xã hội nguyên thuỷ</td>
<td>Bài 2: XÃ HỘI NGUYÊN THUỶ (1 tiết)

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN
<u>1. Thị tộc và bộ lạc</u>

<table>
<tr><td>Nội dung</td><td>Thị tộc</td><td>Bộ lạc</td></tr>
<tr><td>Hình thành</td><td>Là 1 nhóm người gồm 2 – 3 thế hệ già trẻ có chung dòng máu.</td><td>Là tập hợp một số thị tộc sống cạnh nhau có cùng nguồn gốc tổ tiên xa xôi.</td></tr>
<tr><td>Quan hệ xã hội</td><td>Công bằng, bình đẳng, yêu thương nhau, cùng làm cùng hưởng</td><td>Gắn bó, giúp đỡ nhau.</td></tr>
</table>
</td>
</tr>
</table>

2. Buổi đầu của thời đại kim khí

a/ Quá trình tìm và sử dụng kim loại

5.500năm TĐ 4000 năm TĐ 3000năm TĐ

Đồng đỏ Đồng thau Sắt

b/ Ý nghĩa

- Năng suất lao động tăng.
- Tạo ra một lượng sản phẩm thừa thường xuyên.

=> Đánh dấu sự phát triển của xã hội loài người – gọi là cuộc cách mạng trong sản xuất.

3. Sự xuất hiện tư hữu và xã hội có giai cấp

a/ Nguồn gốc của tư hữu

T1 → T2 → T3

(Thừa → Tham → Tư hữu)

- Do sản phẩm thừa, những người có chức phận chiếm dụng làm của riêng → tư hữu xuất hiện.

b/ Ảnh hưởng của tư hữu

- Gia đình phụ hệ ra đời thay thế gia đình mẫu hệ.
- Xã hội có sự phân chia giai cấp (giàu – nghèo).

=> Xã hội nguyên thuỷ rạn vỡ, con người bước sang thời kỳ xã hội có giai cấp đầu tiên – thời cổ đại.

B. CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1. Sự xuất hiện công cụ bằng kim loại có ý nghĩa như thế nào?

Câu 2. Tư hữu xuất hiện đã dẫn tới sự thay đổi trong xã hội nguyên thủy như thế nào?

Câu 3. So sánh sự khác nhau giữa Thị tộc và Bộ lạc?

Gợi ý trả lời

Câu 1. Trình bày các ý sau:

- Khai phá được những vùng đất mới -> Năng suất lao động tăng.
- Tạo ra một lượng sản phẩm thừa thường xuyên.

=> Đánh dấu sự phát triển của xã hội loài người – gọi là cuộc cách mạng trong sản xuất.

Câu 2. Trình bày các ý sau:

- Gia đình phụ hệ ra đời thay thế gia đình mẫu hệ.
- Xã hội có sự phân chia giai cấp (giàu – nghèo).

=> Xã hội nguyên thuỷ rạn vỡ, con người bước sang thời kỳ xã hội có giai cấp đầu tiên – thời cổ đại.

Câu 3. So sánh các ý sau:

			- Hình thành. - Quan hệ xã hội.
4 (từ 27/9-2/10)	4	***Các quốc gia cổ đại phương Đông***	***Bài 3: CÁC QUỐC GIA CỔ ĐẠI PHƯƠNG ĐÔNG (tiết 1)*** **A. KIẾN THỨC CƠ BẢN** **<u>1. Điều kiện tự nhiên và sự phát triển kinh tế</u>** *a/ Điều kiện tự nhiên:* - Các quốc gia cổ đại phương Đông hình thành ở lưu vực các sông lớn, sông Nin (Ai Cập), sông Hằng, sông Ấn (Ấn Độ), Hoàng Hà (Trung Quốc)... - Thuận lợi: + Đất phù sa màu mỡ, dễ canh tác, gần nguồn nước… + Thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp và sinh sống của con người. - Khó khăn: + Thường xuyên bị lũ lụt, mất mùa... + Con người sống tập trung gắn bó với nhau để đắp đê, làm thủy lợi → nhà nước sớm hình thành. *b/ Kinh tế* - Nông nghiệp là chính, bên cạnh đó còn có thủ công nghiệp và chăn nuôi. **<u>2. Sự hình thành các quốc gia cổ đại</u>** - Cơ sở hình thành: do sự phát triển của sản xuất → phân hóa giai cấp → nhà nước ra đời. - Các quốc gia cổ đại đầu tiên xuất hiện ở phương Đông như: Ai Cập, Lưỡng Hà, Ấn Độ, Trung Quốc. **<u>3. Xã hội cổ đại phương Đông</u>** - Nông dân công xã: + Là bộ phận đông đảo nhất + Có vai trò to lớn trong sản xuất + Họ là lực lượng nuôi sống xã hội. - Qúy tộc: + Gồm quan lại, chủ ruộng đất, tăng lữ + Họ sống sung sướng dựa vào sự bóc lột nông dân. - Nô lệ: + Là tù binh, nông dân nghèo không trả được nợ. + Họ làm việc nặng nhọc và hầu hạ tầng lớp quí tộc. **<u>4. Chế độ chuyên chế cổ đại</u>**

			- Đứng đầu nhà nước là vua chuyên chế, có quyền lực tối cao. - Giúp việc cho vua là bộ máy hành chính quan liêu gồm các quý tộc. **B. CÂU HỎI ÔN TẬP** **Câu 1.**Tại sao cư dân trên lưu vực các dòng sông lớn ở Châu Á, châu Phi có thể sớm phát triển thành xã hội có giai cấp và nhà nước? Đặc điểm của các vùng kinh tế này là gì? **Câu 2.** Em hiểu thế nào là chế độ chuyên chế cổ đại phương Đông? **<u>Gợi ý trả lời:</u>** **Câu 1.** * Tại sao: trình bày các ý sau: - Điều kiện tự nhiên thuận lợi cho đời sống con người. Những đồng bằng ven sông đất đai màu mỡ, mềm xốp, dễ canh tác, lượng mưa đều đặn phân bố theo mùa… - Do ĐKTN thuận lợi nên khoảng 3500-2000 năm TCN, cư dân đã tập trung khá đông theo từng bộ lạc trên các thềm đất cao gần sông để sinh sống. * Đặc điểm: trình bày các ý sau - Các quốc gia Phương Đông xuất hiện ở lưu vực các dòng sông lớn, hàng năm có lượng phù sa bồi đắp, dễ canh tác. - Ở đây có nhiều đất canh tác, mưa đều đặn theo mùa. - Cư dân sống bằng nghề nông là chủ yếu. - Ngoài nghề nông còn chăn nuôi, làm đồ gốm, dệt vải… **Câu 2.** Xem mục 3 – phần kiến thức cơ bản.